TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 419/2024/DS-PT

Ngày: 13 – 8 - 2024

V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi bồi thường thiệt hại".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 533/2023/TLPT-DS ngày 13/12/2023 về việc tranh chấp "Quyền sử dụng đất, đòi bồi thường thiệt hại".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1061/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Dương Thị H, sinh năm 1966;

Địa chỉ: số A khu phố B, Phường I, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Dương Thị H: Luật sư Nguyễn Văn T, Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Nguyễn Minh K, sinh năm 1997;

Địa chỉ: số A, Trần Nguyên H1, ấp M, xã M, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Minh K: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1965;

Địa chỉ: số A, ấp P, xã T, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 20/5/2024).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trần Thị H2, sinh năm 1976;

2. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: số A T, ấp M, xã M, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

3. Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank).

Địa chỉ: số B - B N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người diện theo pháp luật: Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Văn G. Chức vụ: Giám đốc Sacombank chi nhánh Tiền Giang;

Địa chỉ: số F Đ, Phường B, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang (theo Quyết định số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Nguyễn Quốc C. Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Châu Thành, chi nhánh Tiền Giang;

Địa chỉ: ấp T, xã TLT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (theo Giấy ủy quyền ngày 18/7/2022).

4. Nguyễn Thị Thúy H3, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn R, VT, BT, Quảng Bình.

Chỗ ở: khu phố B, Phường I, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn Dương Thị H.

(Có mặt: Dương Thị H, Nguyễn Văn T1, Trần Thị H2, Luật sư Nguyễn Văn T. Vắng mặt: Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Thúy H3, người đại diện hợp pháp của Sacombank)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

***** Nguyên đơn Dương Thị H trình bày:

Bà H được cấp Quyền sử dụng đất thửa 391, tờ bản đồ số 04; Tài sản gắn liền với đất là nhà ở số A tại khu phố B, phường I, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH 01721 ngày 27/5/2014. Nguồn gốc đất do bà H nhận thừa kế theo di chúc của mẹ ruột là cụ Bùi Thị K1 vào năm 2014. Về hướng Đ, anh K là người sử dụng đất giáp ranh với bà H có hành vi lấn chiếm đất khi anh K xây dựng bức tường.

Bà H yêu cầu anh K, bà H2 và ông Q trả đất lấn chiếm (T), tháo dỡ vật kiến trúc là bức tường xây dựng lấn chiếm đất từ điểm cuối của tiệm tạp hóa (T-7a) kéo dài đến nhà tắm (T-8), từ nhà tắm kéo dài đến điểm cuối cùng vách tường của anh K (T-8a) có tổng diện tích 5,8m^2. Nếu anh K không đồng ý tháo dỡ bức tường để trả đất lấn chiếm thì anh K, bà H2 và ông Q có nghĩa vụ thanh toán giá trị đất cho bà H với giá 12.414.545 đồng/m^2 theo Chứng thư thẩm định giá Số 1705.01/2021/CTTĐG-MKF/TG ngày 20/01/2022 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn MKF Việt Nam vì anh K là người đứng tên quyền sử dụng đất, xây dựng

bức tường trên đất nhưng bà H2 và ông Q là cha mẹ của anh K, cũng là người đang quản lý tài sản này cho anh K nên họ phải có trách nhiệm với anh K.

Về chi phí tố tụng: bà H trực tiếp chi trả và tạm ứng nộp cho Tòa án để thu thập tài liệu; xem xét thẩm định tại chỗ; đo đạc; thẩm định giá và phí dịch thuật thẻ học sinh của anh K tổng cộng là 13.930.000 đồng. Bà H yêu cầu anh K, bà H2, ông Q phải chịu và yêu cầu các đương sự bồi thường cho bà H thu nhập thực tế bị mất do bà H nghỉ buôn bán để thực hiện việc khởi kiện, đi lại giải quyết vụ án, mỗi ngày là 200.000 đồng, khoảng 30 ngày (một tháng) với số tiền là 6.000.000 đồng.

* Bà Trần Thị H2 là người đại diện của bị đơn Nguyễn Minh K và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Nguyễn Minh K là con của bà và ông Q. Phần đất bà H tranh chấp hiện K là người quản lý, sử dụng gồm các thửa đất 465, 466 và 467 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CS05249, CS05250 và CS 05243 ngày 05/7/2016, ngày 30/6/2016. Bà H kiện anh K, nếu bà H kiện đúng thì chỉ có anh K có trách nhiệm bồi hoàn giá trị đất hay trả đất theo yêu cầu của bà H. Hiện nay các thửa đất trên anh K thế chấp cho S1 để vay tiền khi anh K mua các thửa đất này theo Hợp đồng dư nợ ngắn hạn số: LD 1613000295 ngày 09/5/2016 và Phụ lục đính kèm hợp đồng và đã gộp các thửa đất, xây dựng công trình trên đất và cho thuê.

Anh K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do đất bà H sử dụng không có thiếu diện tích so với đất được cấp. Trên phần đất bà H tranh chấp, có 03 đoạn tường gồm 01 đoạn tô 02 mặt, 01 đoạn thì tô 01 mặt do bị vướng nhà vệ sinh của bà H và 01 đoạn tường tô 02 mặt là tài sản của K. Việc bà H cho rằng diện tích đất của anh K còn lại giáp với thửa đất Lê Ngọc L là không đúng. Đất tranh chấp có diện tích theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất 391,465,466 và 467 của Công ty TNHH Đo đạc Đông Hải. Giá trị công trình trên đất theo Chứng thư thẩm định giá số 1705.01/2021/CTTĐG-MKF/TG ngày 20/01/2022 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn MKF Việt Nam về đơn giá quyền sử dụng đất tranh chấp theo Chứng thư xác định cao so với thực tế vì bà H2 đưa ra giá là 7.500.000 đồng/m^2. Do anh K không đồng ý yêu cầu của bà H nên đề nghị giữ nguyên hiện trạng diện tích đất và tài sản trên đất anh K đang quản lý, sử dụng và không chịu chi phí tố tụng.

Bà và ông Q không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến các thửa đất nêu trên nên không có nghĩa vụ đối với bà H về việc trả đất, thanh toán giá trị đất hay chịu chi phí tố tụng. Ngoài ra anh K, bà và ông Q không ai có yêu cầu gì khác. Việc bà H kiện anh K, nếu bà H kiện đúng thì chỉ có anh K có trách nhiệm bồi hoàn giá trị đất hay trả diện tích đất theo yêu cầu của bà H. Anh K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H do đất bà H hiện nay sử dụng không bị thiếu so

với diện tích đất được cấp. Anh K có 03 thửa đất và gộp sử dụng chung nhưng vẫn thiếu diện tích. Chi phí xây xựng tô trát bức tường là của anh K bỏ ra.

Về chi phí tố tụng thu thập tài liệu, chứng cứ; xem xét thẩm định tại chỗ; đo đạc thẩm định giá và tiền mất thu nhập mà bà H yêu cầu thì anh K, bà và ông Q không đồng ý vì không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H vì anh K sử dụng 03 thửa đất, gộp sử dụng chung nhưng vẫn thiếu diện tích.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Toà án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào khoản 6, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, khoản 1 Điều 227, 228, Điều 156, 163, 157, 165, khoản 1 Điều 143, Điều 147, Điều 150 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 170, 584, 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 99, 100, 166, 170, 203 Luật đất đai.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị H về việc đòi quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối với anh Nguyễn Minh K.

Giữ nguyên hiện trạng phần đất diện tích 5,8m^2 và tài sản gắn liền với đất là bức tường do anh K xây dựng trên đất thuộc thửa 465, tờ bản đồ số 4 tại khu B, phường I, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CS05249 ngày 05/7/2016 cho Nguyễn Minh K.

(Sơ đồ vị trí đất theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất đính kèm).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, nguyên đơn Dương Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 143/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Dương Thị H: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án chưa khách quan, không đúng thực tế, vì anh Nguyễn Minh K xây dựng vách tường không đúng tâm ranh đất mà hai bên đã thỏa thuận năm 2018, diện tích đất của anh Nguyễn Minh K thiếu là do thỏa thuận thay đổi ranh đất với bà L (ranh đất liền kề hướng Đông). Anh Nguyễn Minh K lấn chiếm đất của bà Dương Thị H có diện tích phù hợp với diện tích đất tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc anh K trả cho bà H 5,8m^2 (thực đo 3,4m^2), bồi thường thiệt hại do mất thu nhập và hoàn trả cho bà H toàn bộ chi phí tố tụng đã tạm ứng.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử,

Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 143/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thủ tục kháng cáo: Bà Dương Thị H nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Về vi phạm thời hạn tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện thủ tục tố tụng về yêu cầu nguyên đơn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm sau ngày hòa giải đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản, chuyển hồ sơ vụ án có kháng cáo cho Tòa án cấp phúc thẩm chậm (hơn 01 năm 02 tháng tính từ ngày có kháng cáo) là có vi phạm về trình tự, thời hạn tố tụng, tuy vậy nhưng quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn đảm bảo thủ tục tố tụng và quyền tranh tụng của các đương sự, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Vấn đề này, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc chấp hành pháp luật nhằm bảo đảm các quy định của pháp luật được thực hiện nghiêm túc.

[2]. Về nội dung xét kháng cáo:

[2.1]. Về tranh chấp quyền sử dụng đất:

Theo hồ sơ vụ án, bà Dương Thị H có quyền sử dụng thửa đất số 391, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.676,4 m^2 tại khu phố B, Phường I, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01721 do Ủy ban nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/5/2014 (gọi tắt là thửa đất số 391). Thửa đất số 391 có một phần hướng Đông giáp ranh với thửa đất số 465, tờ bản đồ 04, diện tích 135,6m^2 của anh Nguyễn Minh K có kích thước 36,24m, cạnh hướng Bắc giáp với đường Trần Nguyên Hãn có kích thước 13,20m.

Anh Nguyễn Minh K có quyền sử dụng 03 thửa đất liền kề gồm: thửa đất số 465, tờ bản đồ số 04, diện tích 135,6m^2 tại khu phố B, Phường I, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05249 ngày 05/7/2016; thửa đất số 466, tờ bản đồ số 04, diện tích 150,7m^2 tại khu phố B, Phường I, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05250 ngày 05/7/2016; thửa đất số 467, tờ bản đồ số 04, diện tích

171,8m^2 tại khu phố B, Phường I, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05243 ngày 30/6/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp (gọi tắt là thửa đất số 465, 466, 467). Trong đó, thửa đất số 465 có hướng Tây giáp ranh với thửa đất 391 của bà Dương Thị H có kích thước 36,24m, cạnh hướng Bắc giáp đường Trần Nguyên Hãn có kích thước 3,37m.

Theo biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất lập ngày 20/4/2015, bà Dương Thị H ký tên chủ sử dụng đất giáp ranh hướng Tây xác định thửa đất số 465 có cạnh hướng Bắc giáp đường Trần Nguyên Hãn có kích thước 3,37m, diện tích là 135,6m^2.

Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/8/2022 của Công ty TNHH Đo đạc Đông Hải, thì: Thửa đất số 391 có diện tích thực đo 1.813,1m^2, cạnh hướng Bắc giáp với đường Trần Nguyên Hãn có kích thước 13,20m (ký hiệu từ T-1 đến T-6); thửa đất 465 có diện tích thực đo là 127,7m^2, cạnh hướng Bắc giáp đường Trần Nguyên Hãn có kích thước 3,03m (ký hiệu T-9); phần đất tranh chấp nằm giữa 02 thửa đất, có diện tích thực đo 3,4m^2 (ký hiệu T-7a, T-8, T-8a)

Từ những căn cứ nêu trên cho thấy, thửa đất 465 của anh Nguyễn Minh K đang quản lý sử dụng có kích thước cạnh hướng Bắc giáp đường Trần Nguyên Hãn giảm 0,34m, có diện tích thực đo chênh lệch giảm 7,9m^2 so với diện tích được cấp giấy chứng nhận (135,6m^2 – 127,7m^2), nếu tính cả phần đất tranh chấp thì chênh lệch giảm 4,5m^2 so với diện tích được cấp giấy chứng nhận [135,6m^2 – (127,7m^2 + 3,4m^2)]. Trong khi đó thửa đất số 391 thực tế mà bà Dương Thị H đang quản lý sử dụng có kích thước cạnh hướng Bắc giáp đường Trần Nguyên Hãn không thay đổi, có diện tích thực đo chênh lệch tăng 136,7m^2 so với diện tích được cấp giấy chứng nhận (1.813,1m^2 – 1.676,4m^2). Như vậy, không có cơ sở xác định anh Nguyễn Minh K lấn chiếm diện tích đất của bà Dương Thị H, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 465 nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại, chi phí tố tụng:

Như nhận định trên, anh Nguyễn Minh K không có hành vi lấn chiếm đất của bà Dương Thị H nên không gây thiệt hại về vật chất cho bà Dương Thị H nên không có nghĩa vụ bồi thường theo quy định tại Điều 584 Bộ luật Dân sự. Về chi phí tố tụng, yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H không được chấp nhận nên bà phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định tại Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3]. Tại giai đoạn phúc thẩm, bà Dương Thị H không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung bản án sơ thẩm.

[2.4]. Từ nhận định tại mục [2.1], [2.2] và [2.3], Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị H, cũng như ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Dương Thị H.

[3]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Dương Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ pháp luật, phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, Điều 170, Điều 203 của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Thị H về việc buộc anh Nguyễn Minh K trả quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0022647 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang thành án phí.

4. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố MT;
- CCTHADS thành phố MT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Huy